TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2024/DS-ST
Ngày: 10-9-2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phụng;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thùy Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 463/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1969; địa chỉ: số B, tổ I, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Võ Thị H: ông Hồ Hữu L, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/4/2024); vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Võ Thị H: Ông Lương Tường H1, sinh năm 1986; địa chỉ: Công ty L2, số A, ấp V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

2.Bị đơn: Ông Võ Văn N, sinh năm 1945; địa chỉ: số A, tổ I, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Võ Thị H, sinh năm 1969; địa chỉ: số B, tổ I, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang – là người thừa kế duy nhất của Võ Văn Đ, sinh năm 1930 (chết 2024); có mặt;

3.2 Bà Trần Thị H2, sinh năm 1952; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt;

3.3 Ông Võ Văn B (theo căn cước công dân là Võ Văn B1), sinh năm 1984; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt;

3.4 Bà Bùi Thị Hồng N1 (theo căn cước công dân là Bùi Thị Hồng N2), sinh năm 1988; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt;

3.5 Bà Võ Thị N3, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt;

3.6 Ông Võ Chí T, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt;

3.7 Bà Võ Thị S, sinh năm 1999; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt;

3.8 Ông Võ Chí C, sinh năm 2005; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày: Nguyên vào ngày 13/8/1963, cha ruột bà H là ông Võ Văn Đ, sinh năm 1930 có mua lại một phần đất với diện tích 01ha00 đất ruộng từ vợ chồng cô ruột của cha bà H là bà Võ Thị B2, sinh năm 1901 và ông Võ Văn T1, sinh năm 1902 với giá 5.000 đồng *(có Tờ hứa mãi phần thực ngày 13/8/1963*), vị trí phần đất này tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C. Qua thời gian sử dụng, do chiến tranh và sau khi thống nhất đất nước ngày 30/4/1975, phần diện tích đất còn lại mà cha bà H sử dụng khoảng gần 03 công đất với chiều ngang mặt tiền (tiếp giáp đường nhựa liên xã T - B) khoảng hơn 14 m, chiều dài khoảng 200 m.

Sau năm 1975, cha bà H có cho ông Võ Văn N diện tích đất chiều ngang mặt tiền khoảng 7,2m, dài khoảng 15m để cất nhà, với kết cấu nhà cột, lợp tole, vách tole. Đến khoảng năm 2000, cha bà H tiếp tục cho ông Võ Văn N một diện tích đất với chiều ngang khoảng 4,5m, dài khoảng 15m (vị trí đất phía sau nhà của ông N) để ông N cất nhà cho con ruột là bà Võ Thị N3. Như vậy, hiện nay phần diện tích đất của cha bà H còn lại khoảng 2.600m^2 gồm hai phần:

- Phần đất thứ nhất: diện tích đất hơn 204m^2, ngang mặt tiền (tiếp giáp đường nhựa liên xã T - B) khoảng hơn 6,8m, dài khoảng 30m (một cạnh tiếp

giáp với phần đất mà cha bà H đã cho ông N, bà N3; một cạnh tiếp giáp với đất của hộ giáp ranh là ông T2)

- Phần đất thứ hai: diện tích đất gần 2.400m^2, chiều ngang hơn 14m (tiếp giáp phần đất thứ nhất và phần đất mà cha bà H đã cho ông N, bà N3), chiều dài gần 170m (một cạnh tiếp giáp với hộ ông Trần Thế M và cạnh còn lại với đất của hộ ông T2).

Vào năm 1995, do đã lớn tuổi, sức khỏe đã yếu và bà H lại là người con duy nhất trong gia đình nên cha bà H lập văn bản tặng cho lại toàn bộ phần diện tích đất nêu trên cho bà H quản lý, sử dụng đất và bà H sử dụng đất ổn định cho đến nay. Hiện nay, bà H đang canh tác phần đất này với diện tích khoảng 2.600m^2 tại ấp T, xã T, huyện C (đã trừ phần diện tích mà cha bà H đã cho ông Võ Văn N và con ông N là bà N3) để trồng xoài, không có nhà ở hay vật kiến trúc trên đất.

Vào ngày 20/7/2022, bà H đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất khoảng 2.600m^2 nêu trên. Bộ phận chuyên môn đo đạc thuộc Văn phòng Đ1 chi nhánh C1 xuống thực địa, tổ chức đo đạc thì bên phía ông Võ Văn N cản trở, không cho đo đạc, không thống nhất mốc ranh mà bà H đã cắm bởi ông Võ Văn N cho rằng ông được cha bà H (ông Võ Văn Đ) cho đất với ngang mặt tiền gần 15m (tiếp giáp đường nhựa liên xã T - B), dài khoảng 30m, tức là ông N tranh chấp luôn cả phần đất thứ nhất nêu trên mà bà H đang quản lý, sử dụng.

Ngày 18/10/2022, Ủy ban nhân dân xã T tổ chức buổi hòa giải tranh chấp đất giữa hai bên nhưng kết quả hòa giải không thành và Ủy ban nhân dân xã T có lập biên bản hòa giải, cũng như ban hành Thông báo hòa giải không thành số 268/TB-UBND ngày 20/10/2022".

Do đó để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Bà H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xem xét, giải quyết: Xác định diện tích đất khoảng 204m^2 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà H, trong đó: chiều ngang mặt tiền (tiếp giáp đường nhựa liên xã T - B) khoảng hơn 6,8m, chiều dài khoảng 30m (một cạnh tiếp giáp với phần đất mà cha bà H đã cho ông N, bà N3; một cạnh tiếp giáp với đất của hộ giáp ranh là ông T2), vị trí đất tọa lạc tại: ấp T, xã T, huyện C.

Sau khi, có kết quả đo đạc, nguyên đơn Võ Thị H khởi kiện bổ sung cho đủ phần diện tích đất tranh chấp mà nguyên đơn đã chỉ dẫn, cụ thể: Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xem xét, giải quyết: Xác định diện tích đất 498,4m^2 thuộc các điểm 1,2,3,4,9,8,7 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 30/5/2024 của Văn phòng Đ1 chi nhánh C1 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Võ Thị H, vị trí đất tọa lạc tại: ấp T, xã T, huyện C; Riêng phần diện tích 9,6m^2 theo bãn vẽ là

mái che bên hiên nhà của ông Võ Văn N thì hiện nay ông N đã tháo dở, không còn nữa nên bà H không yêu cầu tháo dỡ, di dời. Đồng thời, đối với phần diện tích 215,7m^2 theo bãn vẽ, trong đó có phần nhà của ông N và con ông N là bà Võ Thị N3 thì bà H không tranh chấp, đồng ý để cho ông N, bà N3 tiếp tục sử dụng. Ngoài ra, bà H không còn yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị H xác định nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu Tòa án xác định diện tích đất 498,4m^2 thuộc các điểm 1,2,3,4,9,8,7 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 30/5/2024 của Văn phòng Đ1 chi nhánh C1 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Võ Thị H, vị trí đất tọa lạc tại: ấp T, xã T, huyện C thì ông N không tranh chấp. Trước đây, bà H nhờ đo đạc để kê khai phần đất giáp ranh với phần nhà của ông N thì ông N không đồng ý ký tên nên phát sinh cự cãi. Hiện tại, bà H không có rào lưới mà chỉ có trồng các trụ đá giáp với phần đất nhà của ông N cho nên, ông N vẫn đi ra phía sau để viếng mộ của người thân được. Bà H không tranh chấp phần nhà của ông N và con ông N là bà Võ Thị N3, bà H đồng ý để cho ông N, bà N3 tiếp tục sử dụng.

Ông Võ Văn N trình bày: Nguồn gốc đất gia đình ông N đang ở cùng con, nguyên đất này là của ông cố ông N tên: Võ Văn D để lại cho 3 người con là: Võ Văn G, Võ Thị B2 và Võ Văn V (là cha ông Đ và là ông nội của ông N). Phần đất ông N đang ở hiện tại trước đây là của bà Võ Thị B2. Sau khi bà B2 mất thì ông chú ông N là Võ Văn Đ đem bên vợ về ở trên miếng đất này. Ông Đ không có con nên có xin em ruột ông N là ông Võ Văn T3 về nuôi không may em ông N về ở chẳng bao lâu do chiến tranh bị trúng đạn và chết trước giải phóng, sau đó thì ông Đ mới xin cô H về nuôi, qua thời gian con bà Ba B3 không tới lui cúng ông bà (cô L1, chú T4) nên ông Đ khai hưởng miếng đất này và cho ông N về cất nhà trước năm 1972 đến hôm nay. Đầu năm 2024 ông Đ qua đời cô H và chồng cô, con cô có ý rào lưới B40 sát vách nhà của ông N và con ông N và rào cả hậu ra đồng. Hàng rào đóng cọc cách vách nhà chưa được 2 tất đất. Như vậy thì có ý không cho gia đình ông N cùng con ông N đi ra đi vào nên gia đình ông N có phản ứng không cho thực hiện và đã xãy ra xô sát, vợ chồng cô H và các con gái đánh vợ ông N, ông N có đưa vợ ông N nhờ y tế xác nhận và gửi đơn đến công an xã T. Gần đây cô H có nhờ đo đạc đến đo nhiều lần nhưng gia đình ông N không chấp nhận (kèm bản vẽ). Nay yêu cầu tòa xem xét giúp gia đình ông N và con ông N ổn định chỗ ở trên phần đất của ông bà ông N để lại cho con cháu, đảm bảo sinh hoạt thiết yếu của gia đình như đi lại, phơi củi, giặt giũ, phơi quần áo,... nhất là có đường đi ra mộ phần của ông nội, bà nội và em ông N. Hiện vợ chồng ông N đã già, bản thân ông N phải đi ngủ giữ xoài mướn ở ngoài đồng, ngoài vườn, vợ ông N bị đau yếu thường xuyên phải đi khám bệnh ở thành phố Hồ Chí Minh hằng tháng, con thì đi làm mướn để có tiền lo thuốc men cho vợ chồng ông N. Ông N cho rằng đây là đất của ông bà chung để lại cho con cháu, chăm lo mồ mã ông bà đâu ngờ cô H làm như thế này (cô đã hưởng đất của ông Đ rất nhiều) mà lại đi tranh chấp hơn thua, ông N suy nghĩ nếu có tình máu mủ ruột thịt thì không xảy ra cớ sự như vầy.

Kết quả thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp nguyên đơn bà H đang trồng 04 cây cóc khoảng 10 năm tuổi, 04 cây sầu riêng khoảng 2,5 năm tuổi, 20 cây xoài khoảng 15 năm tuổi; 01 căn nhà của ông Võ Văn N loại nhà cây gỗ Bạch đàn, mái lợp tole, vách tole, nền đất, trong nhà có các thành viên gồm vợ, con đang ở gồm: Bà Trần Thị H2, sinh năm 1952, Võ Văn B1, sinh năm 1984, Bùi Thị Hồng N2, sinh năm 1988; Căn nhà của bà Võ Thị N3 (con của ông Võ Văn N) loại nhà xây vách tường BTCT, mái lợp tole, nền lót gạch, trong nhà có các thành viên đang ở gồm: Võ Thị N3, sinh năm 1976, Võ Chí T, sinh năm 1977, Võ Thị S, sinh năm 1999,Võ Chí C, sinh năm 2005.

Kết quả đo đạc, theo Bản vẽ hiện trạng ngày 30/5/2024 của Văn phòng Đ1 chi nhánh C1 lập. Phần đất đang tranh chấp gồm: Các điểm 1,2,3,4,9,8,7 có diện tích là 498,4m^2, trong đó có mái che là hiên nhà ông N nối các điểm 10,11,17,18 có diện tích là 9,6m^2.

Luật sư Lương Tường H1 trình bày: diện tích đất tranh chấp 498,4m^2 và diện tích đất 215,7m^2 có nguồn gốc từ bà Võ Thị B2 bán lại cho ông Đ. Tại phiên tòa, ông N vẫn xác định là đất của ông Đ, ông N cho bà H phần đất bằng tờ tặng cho đất và ông Đ có cho ông N cất nhà để ở, sau đó ông Đ có cho con ông N là bà N3 cất nhà. Theo biên lai thuế phía ông N cung cấp thì phần đất ông N nộp thuế tương đương diện tích đất 215,7m^2. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét diện tích đất tranh chấp 498,4m^2 theo bản vẽ thuộc quyền hợp pháp của nguyên đơn bà Võ Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H.

- Bà Võ Thị H được sử dụng diện tích đất là 498,4m^2 tại các điểm 1,2,3,4,9,8,7 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 30/5/2024 của Văn phòng Đ1 chi nhánh C1.

- Bà Võ Thị H có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Võ Thị H khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp về quyền sử dụng đất với ông Võ Văn N. Phần đất tranh chấp tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Căn cứ các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định;

[2] Theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu xác định diện tích đất 498,4m^2 thuộc các điểm 1,2,3,4,9,8,7 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 30/5/2024 của Văn phòng Đ1 chi nhánh C1 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Võ Thị H, vị trí đất tọa lạc tại: ấp T, xã T, huyện C; Riêng phần diện tích 9,6m^2 theo bãn vẽ là mái che bên hiên nhà của ông Võ Văn N thì hiện nay ông N đã tháo dở, không còn nữa nên bà H không yêu cầu tháo dỡ, di dời. Đồng thời, đối với phần diện tích 215,7m^2 theo bãn vẽ, trong đó có phần nhà của ông N và con ông N là bà Võ Thị N3 thì bà H không tranh chấp, đồng ý để cho ông N, bà N3 tiếp tục sử dụng. Ngoài ra, bà H không còn yêu cầu nào khác. Do đó, xác định phạm vi tranh chấp trong vụ án cần giải quyết là diện tích đất 498,4m^2 thuộc các điểm 1,2,3,4,9,8,7 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 30/5/2024.

[3] Trong số các tài liệu, chứng cứ do bà H cung cấp: Thông báo kết quả hòa giải tranh chấp đất đai của Ủy ban nhân dân xã T ngày 20/10/2022, Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai của Ủy ban nhân dân xã T ngày 18/10/2022; Tờ tặng cho đất của ông Võ Văn Đ lập ngày 09/02/1995, tờ hứa mãi phần thực lập ngày 13/8/1963; Chứng cứ do Tòa án thu thập là Công văn số 1255/UBND-NC ngày 20/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện C đã xác định phần đất được nhà nước quy hoạch là đất ở tại nông thôn; bị đơn ông N cung cấp Thông báo nộp thuế năm 2012, biên lai thu phí năm 1999, biên lai thu thuế nhà đất năm 1999, biên lai thu thuế sử dụng đất năm 1999;

[4] Trước khi khởi kiện đến Tòa án, bà H có làm hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất, khi cán bộ đo đạc đến để đo đạc thì bên ông N không đồng ý theo chỉ dẫn mốc ranh của bà H; đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, ý kiến của ông N xác định bà H nhờ đo đạc để kê khai phần đất giáp ranh với phần nhà của ông N thì ông N không đồng ý ký tên nên phát sinh cự cãi; ông N, bà N3 không làm thủ tục tranh chấp yêu cầu công nhận được sử dụng diện tích đất đang cất nhà. Cho nên, Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Xem xét yêu cầu khởi kiện của bà H đối với phần đất tranh chấp yêu cầu công nhận diện tích đất 498,4m^2 thuộc các điểm 1,2,3,4,9,8,7 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 30/5/2024, phần đất này bà H được cha là ông Võ Văn Đ tặng cho, hiện tại bà H đang trồng 04 cây cóc khoảng 10 năm tuổi, 04 cây sầu riêng khoảng 2,5 năm tuổi, 20 cây xoài khoảng 15 năm tuổi; diện tích đất tranh chấp bà H, ông N đều xác định là đất của ông Đ, ông Đ cho bà H phần đất bằng tờ tặng cho đất và ông Đ có cho ông N cất nhà để ở, sau đó ông Đ có cho con ông N là bà N3 cất nhà. Bà H lập thủ tục kê khai cấp giấy thì ông N không đồng ý ký tên. Đã có cơ sở xác định phần đất tranh chấp bà Võ Thị H yêu cầu công nhận diện tích đất 498,4m^2 thuộc các điểm 1,2,3,4,9,8,7 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 30/5/2024 thuộc quyền sử dụng của bà H3 được ông Đ tặng cho cho nên yêu cầu khởi kiện của bà H là của có cơ sở nên được chấp nhận.

[6] Đối với việc ông N yêu cầu tòa xem xét giúp gia đình ông N và con ông N ổn định chỗ ở trên phần đất, nhất là có đường đi ra mộ phần của ông nội, bà nội và em ông N. Đây là tranh chấp yêu cầu về mở lối đi, ông N phải làm thủ

tục hòa giải tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có phần đất, trường hợp kết quả hòa giải không thành thì mới đủ điều kiện để khởi kiện.

[7] Về chi phí tố tụng: Bà Võ Thị H đã tạm nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá 1.000.000đồng, chi phí thẩm định tại chỗ lần 2 là 500.000đồng và chi phí đo đạc là 1.698.840đồng và Tòa án đã thực hiện. Do nguyên đơn bà H tự nguyện chịu, không đề nghị xem xét nên không xét đến.

[8] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 156, 157, 158, 164, 165, 166 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 166, 254 Bộ luật dân sự;

- Các Điều 105, 166, 203 Luật đất đai;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H.

1) Bà Võ Thị H được sử dụng diện tích đất là 498,4m^2 thuộc các điểm 1,2,3,4,9,8,7 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 30/5/2024 của Văn phòng Đ1 chi nhánh C1.

Bà Võ Thị H có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

Bản vẽ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C1 lập ngày 30/5/2024 là một bộ phận không thể tách rời bản án.

2) Về chi phí: Công nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Võ Thị H chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá 1.000.000đồng, chi phí thẩm định tại chỗ lần 2 là 500.000đồng và chi phí đo đạc là 1.698.840đồng. Bà H đã nộp đủ.

3) Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị H tư nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0014929 ngày 12/01/2024 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0015604 ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; Bà Võ Thị H được nhận lại số tiền 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng).

4) Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hùng